ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐỐP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 81 /TTr-UBND	*Bù Đốp, ngày 07 tháng 7 năm 2022*

TỜ TRÌNH

V/v thông qua danh mục đầu tư công thực hiện lộ trình chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện Bù Đốp.

Kính gửi: HĐND huyện Bù Đốp khóa V, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết 04 –NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 04 –NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ kế hoạch số 23-KH/HU ngày 16/8/2021 của Huyện ủy Bù Đốp về triển khai thực hiện nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của tỉnh ủy Bình Phước về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, thông qua danh mục đầu tư công thực hiện lộ trình chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau: *Có Danh mục kèm theo.*

UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định./

Nơi nhận:
- TT HU;
- TT HĐND-UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Thảo

PHỤ LỤC

DANH MỤC VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2022 – 2025.

(Ban hành kèm theo tờ trình số 81/Ttr -UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự kiến kinh phí thự hiện(đầu tư)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/Hướng dẫn triển khai	Thời gian thực hiện	2021	2022	2023	2024	2025	Dự kiến kinh phí
I	**Các nội dung thực hiện chuyển đổi số**									
1	***Nâng cao chất lượng đội ngũ***									
1.1	Tổ chức các hội nghị về "Chính quyền điện tử và chuyển đổi số"	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND & UBND huyện, các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn	2021-2025		35	35	35	35	140
1.2	Tập huấn nâng cao trình độ CNTT, ATTT, sử dụng các hệ thống thông tin của tỉnh cho cán bộ chủ chốt cấp huyện, xã và cán bộ chuyên trách, công chức, viên chức phụ trách CNTT huyện, xã.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND & UBND huyện, các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn	Năm 2022 tổ chức 14 lớp (các năm sau mỗi năm 2 lớp)		206	50	50	50	356
2	***Triển khai các ứng dụng phục vụ xây dựng Chính quyền số***									
2.1	***Xây dựng hạ tầng số***									

2.1.1	Trang bị thiết bị CNTT cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số, vận hành chính quyền số	Văn phòng HĐND-UBND	Văn phòng HĐND & UBND huyện, các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn	2022-2025		800	500	500	700	2.500
2.1.2	Mua sắm thiết bị văn phòng và màn hình hiển thị Phòng họp Huyện ủy, Ủy ban huyện và các phòng họp trực tuyến.	Văn phòng HĐND-UBND	Phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn	2022-2025		500	500	500	500	2.000
2.1.3	Xây dựng cổng thông tin điện tử cho huyện kết nối 7 xã, thị trấn	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các đơn vị có liên quan	2022-2025		200	50	50	50	350
2.1.4	Lắp đặt Wifi sử dụng miễn phí ở một số điểm trên địa bàn thị trấn Thanh Bình gắn với nhiệm vụ thực hiện Đề án xây dựng Đô thị văn minh	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Văn phòng UBND huyện; UBND thị trấn Thanh Bình	2022		470				470
2.1.5	Xây dựng phần mềm Quản lý hạ tầng Công trình công cộng	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn	2022		300				300
2.1.6	Đầu tư mua sắm máy tính 7 xã,	Phòng	UBND các xã,	2022		416				416

	thị trấn (04 bộ/xã, TT) + 02 máy scans	Văn hóa và Thông tin	thị trấn							
2.1.7	Đầu tư mua sắm cơ quan thường trực ban chỉ đạo chuyển đổi số (phòng VHTT) 04 bô máy vi tính, 01 máy chiếu phục vụ tập huấn)	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng VHTT	2022		93				93
2.1.8	Triển khai Hệ thống xử phạt hành chính.	Văn phòng HĐND – UBND Công an huyện	Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn	2022-2025		280	280	280	280	1.120
2.1.9	Triển khai đề án lắp đặt camera an ninh từ nguồn ngân sách huyện theo kết luận của Ban Thường vụ huyện ủy.	Văn phòng HĐND – UBND Công an huyện	Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn			2.800				2.800
2.2.0	Đầu tư đường truyền dữ liệu dân cư cấp căn cước công dân phục vụ Trung tâm hành chính công	Văn phòng HĐND – UBND Công an huyện	Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn			180				180

3	***Xây dựng xã hội số***									
3.1	Tổ chức tuyên truyền cho người dân về việc sử dụng các dịch vụ công, ứng dụng di động Bình Phước, các dịch vụ tiện ích trong chuyển đổi số	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban chuyên môn huyện và UBND các xã, thị trấn	2021-2025		30	30	30	30	120
4	**Xây dựng kinh tế số**									
4.1	Số hóa công tác thu phí DVC, Giáo dục, Y tế, CTCC, đóng góp nhân dân	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã, thị trấn	2022-2025		300	300	300	300	1.200
5	***Chuyển đổi số một số ngành, lĩnh vực***									
5.1	*Triển khai các giải pháp Giáo dục thông minh*									
5.1.1	Số hóa ngành giáo dục và triển khai thí điểm trường học thông minh	Phòng GD-ĐT	Các trường học trên địa bàn huyện	2021-2025		500	3.000	2.000	2.000	7.500
5.2	*Triển khai dịch vụ lĩnh vực Y tế*									
5.2.2	Số hóa ngành y tế và triển khai thí điểm Bệnh viện thông minh từ huyện đến tuyến xã.	Sở y tế Văn phòng HĐND-UBND huyện	Sở TTTT và Các đơn vị liên quan	2022-2025		1.000	900	800	1.000	3.700
II	**Kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai**									
1	Tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác triển khai	Phòng Văn hóa	Các phòng, ban chuyên môn			25	25	25	25	100

		và Thông tin	UBND huyện và UBND các xã, thị trấn							
2	Tổ chức hội nghị sơ, tổng kết công tác triển khai chuyển đổi số hàng năm	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban chuyên môn UBND huyện và UBND các xã			30	30	30	30	120
	Tổng					**8.165**	**5.700**	**4.600**	**5.000**	**23.465**
	Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba tỉ bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng./.									